ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số : 1131 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 04 tháng 6 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
Công trình: Sửa chữa định kỳ tuyến ĐT.759B đoạn từ Km26+000 đến Km40+000, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 36/TTr-SGTVT ngày 27/5/2015 (kèm theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình, Báo cáo thẩm định số 122/BCTĐ-SGTVT ngày 27/5/2015),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa định kỳ tuyến ĐT.759B đoạn từ Km26+000 đến Km40+000, tỉnh Bình Phước, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: sửa chữa định kỳ tuyến ĐT.759B đoạn từ Km26+000 đến Km40+000, tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước.

3. Đại diện Chủ đầu tư: Ban QLDA vốn SNKT ngành Giao thông vận tải.

4. Tổ chức tư vấn lập hồ sơ Báo cáo KTKT: Công ty TNHH Tân Phú.

5. Chủ nhiệm lập hồ sơ Báo cáo KTKT: Đặng Văn Đức.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng: khắc phục tình trạng xuống cấp và nâng cao sức chịu tải của công trình, đảm bảo an toàn giao thông, nâng cao hiệu quả khai thác, đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải, bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

7. Nội dung và quy mô đầu tư

7.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu

Căn cứ mục tiêu của dự án, nhu cầu vận tải, quy trình thiết kế đường ô tô (TCVN 4054-2005), chọn phương án đầu tư công trình với các chỉ tiêu kỹ thuật:

- Cấp quản lý:	Đường cấp IV
- Cấp kỹ thuật:	40
- Vận tốc thiết kế:	40 Km/h
- Cấp áo đường:	Cấp cao A2 láng nhựa
- Chiều dài tuyến:	14.000 m
- Bề rộng lề đường:	1,5m x 2 bên; i=4%
- Bề rộng mặt đường:	6,0m, i=3%
- Tải trọng thiết kế (trục đơn):	10 Tấn/trục
- Bề rộng nền đường tối thiểu	9,0m

7.2. Giải pháp sửa chữa

- Đối với các vị trí bị hư hỏng nhẹ (mặt đường bị bong tróc nhiều, có ổ gà nhỏ nhưng không bị lún, trồi), kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới như sau:

+ Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn 4,5kg/m^2;

+ Tăng cường lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày trung bình 15cm, lu lèn đạt E>=135Mpa;

+ Cày sọc mặt đường hiện hữu tạo nhám.

- Đối với các vị trí bị bong tróc lớp láng nhựa (không có ổ gà, không bị lún, trồi), kết cấu từ trên xuống như sau:

+ Láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn 3,0kg/m^2;

+ Mặt đường nhựa cũ thổi bụi, làm sạch.

7.3. Kết cấu lề đường: đắp CPSĐ chiều dày phù hợp với cao độ mặt đường, lu lèn đạt K>=0,95.

7.4. Hệ thống ATGT: theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

8. Địa điểm xây dựng: huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

9. Diện tích sử dụng đất: trong phạm vi nền đường đang khai thác và quỹ đất hành lang an toàn giao thông đường bộ.

10. Loại, cấp công trình: sửa chữa đường bộ.

11. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

11.1. Tiêu chuẩn khảo sát

- Quy trình khảo sát đường ôtô 22TCN 263-2000;

- Quy trình đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn nghành 96TCN43-90.

11.2. Tiêu chuẩn thiết kế

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô TCVN 4054-2005;

- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm 22TCN211-06.

11.3. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447-2012;

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường ôtô TCVN 9436:2012;

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước TCVN 9504:2012;

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu Mặt đường láng nhựa nóng TCVN 8863: 2011;

Và các quy trình, quy phạm hiện hành khác có liên quan.

12. Những vấn đề khác: Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát và Nhà thầu lưu ý các vấn đề sau:

- Tổ chức đảm bảo ATGT, vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành;

- Thường xuyên có mặt tại hiện trường để kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh, đảm bảo tiến độ thi công.

13. Tổng dự toán: **2.690.161.947** đồng

(Hai tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, một trăm sáu mươi mốt nghìn, chín trăm bốn mười bảy đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế: 2.219.132.518 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 45.572.912 đồng
- Chi phí tư vấn xây dựng: 169.149.939 đồng
- Chi phí khác: 26.639.677 đồng
- Chi phí dự phòng: 229.666.901 đồng

14. Nguồn vốn đầu tư: vốn Sự nghiệp giao thông năm 2015 – 2016.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2015.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Bù Đốp, Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn lập hồ sơ Báo cáo KTKT và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP; P. KTN;
- Lưu: VT (T.08).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Trần Ngọc Trai